

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025.

Thuộc kế hoạch: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP VT&CB THAN ĐÔNG BẮC

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-VTCB ngày 28/5/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-VTCB ngày 29/10/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy Định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025,

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế toán tại tờ trình ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025, thuộc kế hoạch Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán

- Hạng mục công việc: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025.
- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.
- Giá trị dự toán: 91.831.960 đồng.

- Bộ phận lập dự toán: Phòng Tài chính- Kế toán.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Tên gói thầu: Mua bảo hiểm vật chất xe ô tô năm 2025.
- Giá gói thầu: 91.831.960 đồng.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hình thức LCNT: Chỉ định thầu rút gọn.
- Phương thức LCNT: 01 giai đoạn/ 01 túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức LCNT: Tháng 6 năm 2025.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 2. Phòng Tài chính- Kế toán chịu trách nhiệm phối hợp cùng tổ chuyên gia, tổ thẩm định tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

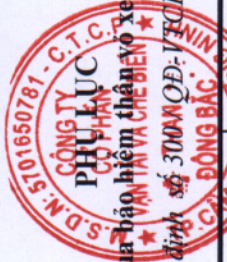
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các phòng chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: TCKT. H02.



Phương Kim Mừng



Gói thầu: Mua bảo hiểm thân vỏ xe ô tô năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 300A/QĐ-VTCB ngày 27/06/2025)

TT	Tên loại xe	Biển số	Trọng tải tấn/ chỗ ngồi	Đăng kí lần đầu	Năm sản xuất	Số tiền bảo hiểm VNĐ	Mục đích Sử dụng	Tỷ lệ bảo hiểm	Phí bảo hiểm vật chất	Thuế VAT 10%	Tổng cộng
1	Tài CNHTC	14KT 002.66	14,5 T/ 2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
2	Tài CNHTC	14KT 012.11	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
3	Tài CNHTC	14KT 012.10	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
4	Tài CNHTC	14KT 012.19	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
5	Tài CNHTC	14KT 012.24	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
6	Tài CNHTC	14KT 012.46	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
7	Tài CNHTC	14KT 012.20	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
8	Tài CNHTC	14KT 012.28	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
9	Tài CNHTC	14KT 012.05	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
10	Tài CNHTC	14KT 012.06	14,5T/2 chỗ	06/05/2025	2022	1.227.700.000	Không KDVT	0,68%	8.348.360	834.836	9.183.196
TỔNG CỘNG											91.831.960

Bảng tiền: Chín mươi một triệu, tám trăm ba mươi một ngàn, chín trăm sáu mươi đồng chẵn